



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9
Trụ sở: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM, Việt Nam
Điện thoại: (028) 3868 7347 - 3868 7355 . Fax: (028) 3868 7351 - 3868 7356
Email: nadyphar@ nadyphar.vn Website: www.nadyphar.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

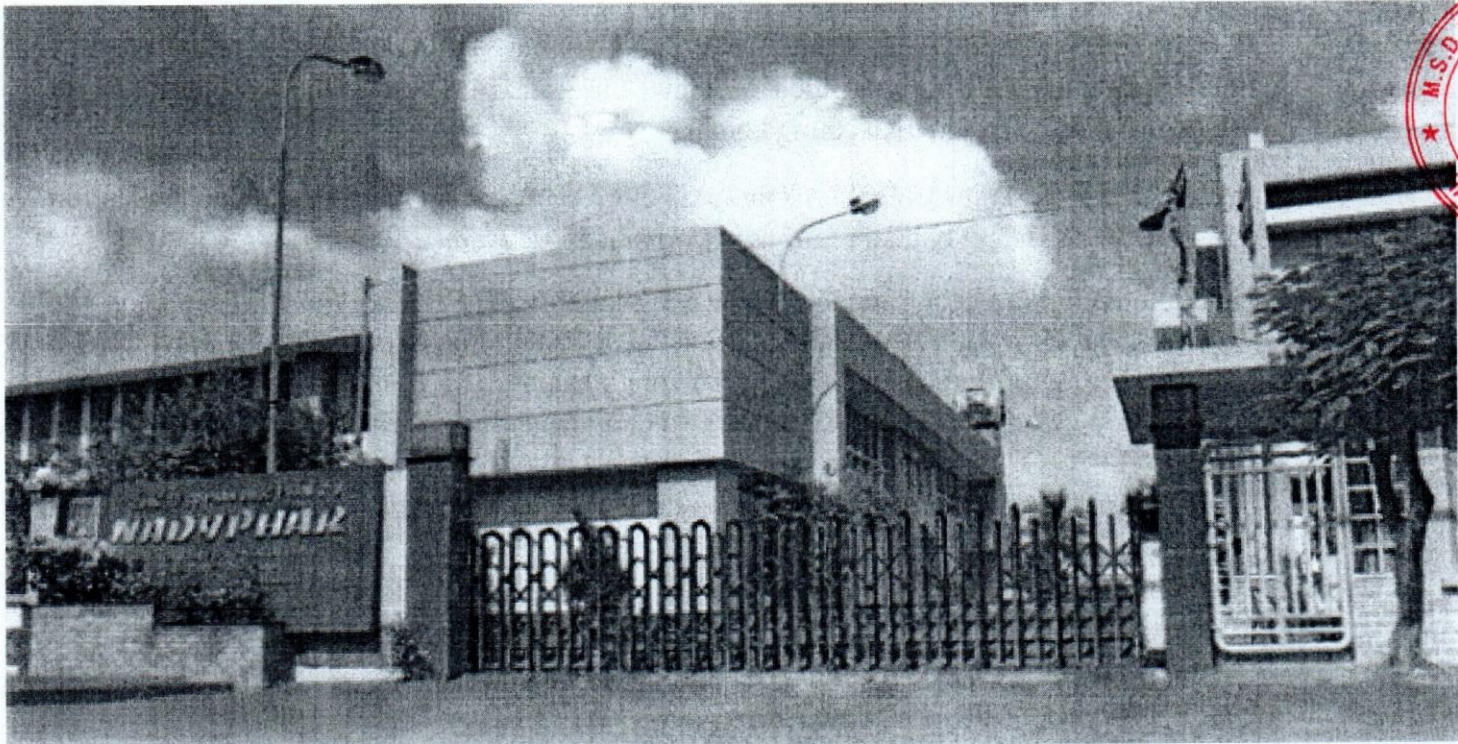
2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9

MÃ CỔ PHIẾU: NDP

Tên Công ty : Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9
Tên tiếng Anh : National Day Pharmaceutical Joint Stock Company
Tên viết tắt : NADYPHAR
Vốn điều lệ : 55.500.000.000 đồng.
Địa chỉ : 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh
Số điện thoại : 028.38 687 347 – 028.38 688 474
Số fax : 028.38 687 351
Website : nadyphar.com.vn



PHẦN I: GIỚI THIỆU CÔNG TY

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976 Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9 (Nadyphar) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 được hình thành trên cơ sở sáp nhập bảy viện Bảo chế tư nhân cũ trước 30/04/1975 tại Sài Gòn.

Năm 1977 Ngày 02/08/1977, Ủy ban Nhân dân Thành phố ra quyết định số 437/QĐUB thành lập công nhận Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 trực thuộc Sở Y tế TP.HCM là Doanh nghiệp nhà nước và là đơn vị kinh tế cơ sở có tư cách pháp nhân và hạch toán kinh tế độc lập.

Năm 2001 Ngày 15/06/2001, theo quyết định số 736/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần. Ngày 10/09/2001, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Từ tháng 10/2001 Công ty chính thức hoạt động với tên gọi “Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh”, vốn điều lệ ban đầu là 18 tỷ đồng trong đó phần vốn nhà nước chiếm 29%, còn lại là phần vốn góp của Cán bộ Công nhân viên trong Công ty và các cổ đông ngoài Công ty.

Năm 2006 Ngày 17/01/2006, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2, bổ sung hạng mục kinh doanh : đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP, GSP.

Năm 2015 Cổ phiếu của Công ty với mã cổ phiếu NDP đã chính thức được đăng ký giao dịch tại thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thuộc Sở giao dịch chứng khoán.

Năm 2017 Ngày 17/07/2017, Công ty đã được cấp thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 15 thay đổi tên Công ty thành : *Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9*

Trong hơn 40 năm hoạt động, Nadyphar với phương châm : “ *chất lượng vì sức khỏe mọi nhà*” đã đạt được rất nhiều thành tựu, từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo qua nhiều thời kỳ đã được ghi nhận bởi các giải thưởng và danh hiệu như : *Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba; Hàng Việt Nam chất lượng cao; Chìa khóa vàng thương hiệu Việt uy tín; Cúp vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng; Cúp vàng thương hiệu Việt uy tín chất lượng; Cúp thương hiệu mạnh Việt Nam 2000 – 2005; Giải thưởng ngôi sao chất lượng quốc tế...* Năm 2016, Nadyphar đã được Ban Quản lý Khu chế xuất và Công nghiệp Tp.HCM công nhận là doanh nghiệp tiêu biểu khu công nghiệp Tp.HCM. Năm 2018, thương hiệu Nadyphar đã đạt TOP 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam do Hội Sở hữu Trí tuệ VN trao tặng.

II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH :

1. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược phẩm (không sản xuất tại trụ sở)	2100 (Chính)
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Cho thuê kho, văn phòng.	6810
3	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (không hoạt động tại trụ sở)	1079
4	Buôn bán thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
5	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023

2. Địa bàn kinh doanh :

Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Tây, các tỉnh miền Trung, các tỉnh miền Bắc, các tỉnh Đông Nam bộ, Campuchia ...

3. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty

Giảm đau – Hạ sốt – Kháng viêm

Thuốc bổ - Vitamin – Khoáng chất

Tiêu hóa – Đường ruột

Kháng sinh

Nguồn gốc thảo dược dùng ngoài da

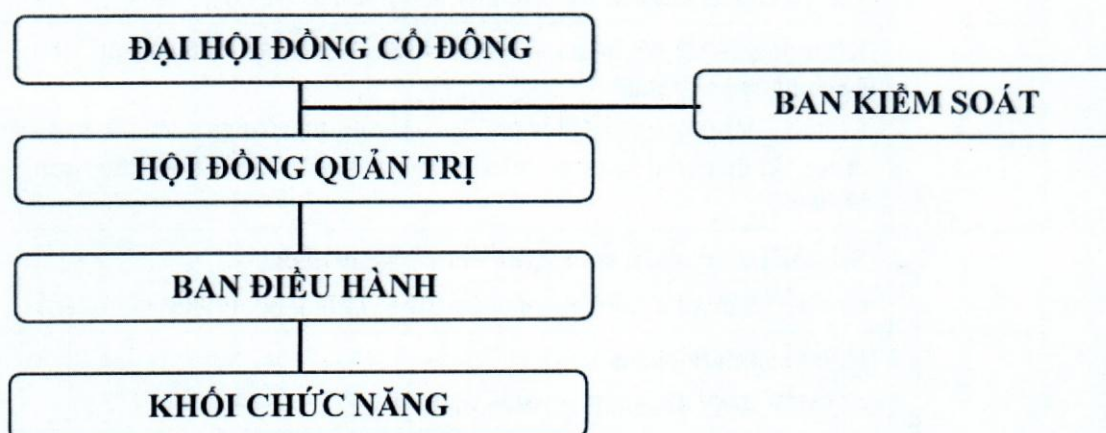
Thần kinh

Thực phẩm chức năng

Nước lau sàn

III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị



2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông :

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

Hội đồng quản trị :

HDQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 05 năm.

Ban Kiểm soát :

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 05 năm.

Ban Tổng Giám đốc :

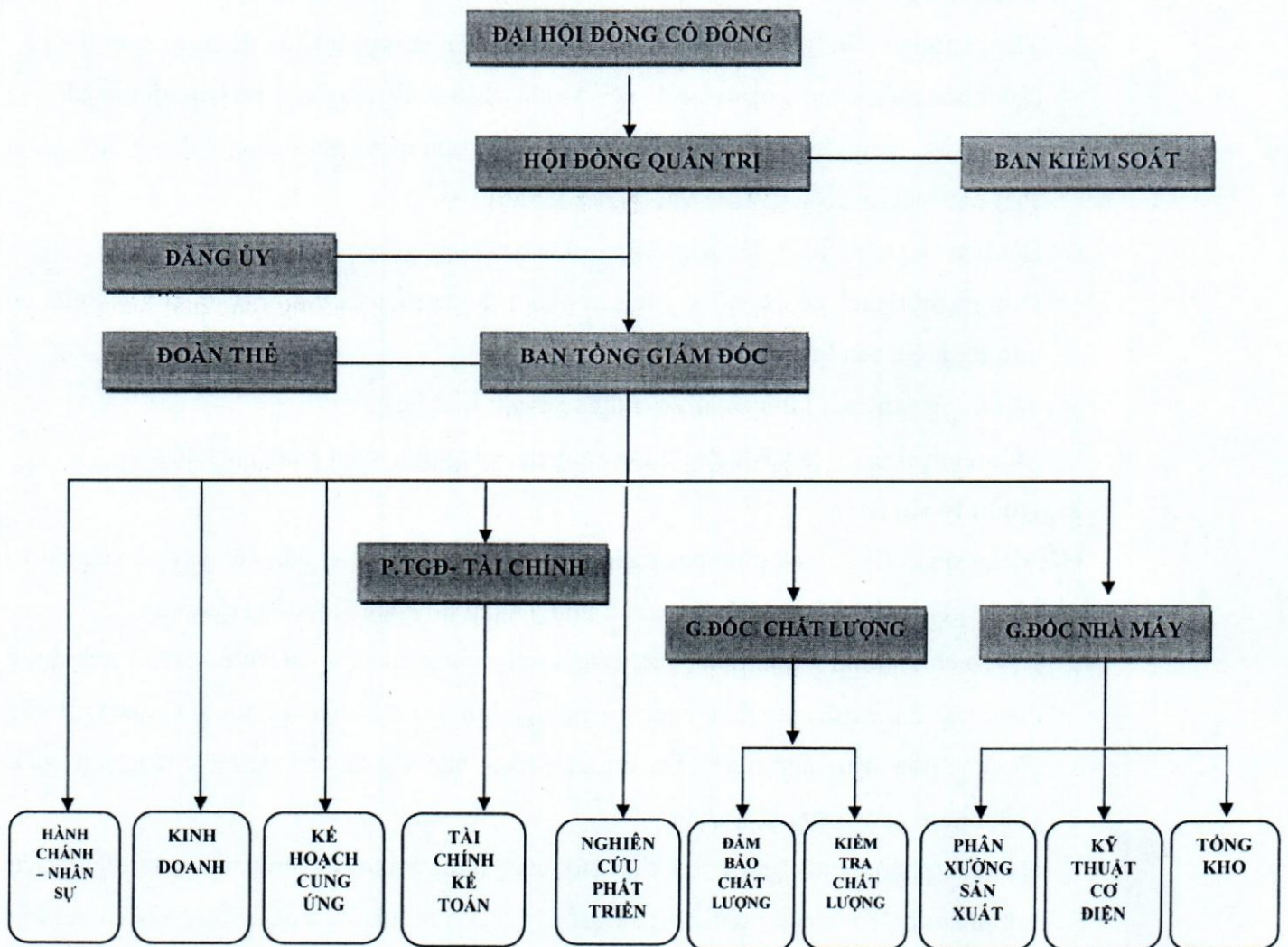
Ban Tổng Giám đốc bao gồm 1 phó Tổng giám đốc Tài Chính chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các phòng chức năng và Phân xưởng sản xuất :

Công ty hiện có 09 phòng chức năng (theo sơ đồ tổ chức, quản lý) và phân xưởng sản xuất (2 dây chuyền sản xuất).

- Phòng Hành chính Nhân sự
- Phòng Tài chính Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kế hoạch – Cung ứng
- Phòng Đảm bảo Chất lượng (QA)
- Phòng Kiểm tra chất lượng (QC)
- Phòng Nghiên cứu Phát triển (R&D)

- Phòng Kỹ Thuật Cơ điện
- Tổng kho
- Phân Xưởng Sản xuất (Dây chuyền thuốc viên và dây chuyền thuốc nước)



IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Chiến lược phát triển :

✦ Ngắn hạn : từ năm 2019 đến năm 2021

- Tiếp tục đẩy mạnh bán ra các sản phẩm thuốc thông thường hiện có.
- Tăng cường nhân lực, vật lực cho công tác nghiên cứu phát triển để hàng năm bổ sung các thuốc mới, có sức cạnh tranh, đặc trị như thần kinh, gan mật, hô hấp, tim mạch ...
- Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư nhà máy sản xuất các thuốc diện kiểm soát đặc biệt để có sản phẩm vào giữa năm 2021 .

✦ Dài hạn : từ năm 2021 đến năm 2025 và các năm tiếp theo :

- Duy trì một cách có chọn lọc các sản phẩm thuốc thông thường (các mặt hàng đã có thương hiệu, sản lượng lớn, tỷ suất lãi cao).
- Tập trung sản xuất kinh doanh các thuốc đặc trị thế hệ mới.
- Mũi nhọn chủ lực là xây dựng thị trường cho các thuốc diện kiểm soát đặc biệt

2. Quản lý rủi ro

Hội đồng quản trị đã xác định danh sách các rủi ro quan trọng của công ty và các rủi ro này được giám sát chặt chẽ và báo cáo định kỳ hàng quý đến Hội đồng quản trị:

- a. Rủi ro cạnh tranh : Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng và rủi ro cạnh tranh được đánh giá ở mức độ cao. Nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đua nhau rót vốn vào các doanh nghiệp dược. Do đó, khả năng bảo vệ, duy trì và/hoặc tăng mục tiêu chiến lược ngày càng khó khăn.

Các giải pháp chính được triển khai một cách đồng bộ trên nhiều khía cạnh: Phát triển sản phẩm mới với các ưu điểm vượt trội và đa dạng hóa: Giá cả hợp lý - Nắm bắt kịp thời xu hướng thị trường, tiêu dùng - Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- b. Rủi ro mất khách hàng quan trọng : mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.

Các giải pháp chính được đưa ra là tiếp tục xây dựng hệ thống phân phối trong nước vững mạnh, nâng cao và kiểm soát chặt chẽ hệ thống phân phối.

- c. Rủi ro nhân sự : Thay đổi nhân sự liên tục, đặc biệt nhân sự quản lý của bộ phận kinh doanh có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Nhân sự là yếu tố quan trọng của Nadyphar. Để kiểm soát tốt rủi ro này, công ty đang từng bước triển khai Chương trình Nhân sự kế thừa để đánh giá, đào tạo

và phát triển các nhân viên có năng lực của Công ty.

- d. Rủi ro luật pháp, ngành hàng : Hệ thống pháp luật trong lĩnh vực Dược đang sửa đổi bổ sung có nhiều khe hở đòi hỏi các doanh nghiệp ngành Dược phải hiểu biết sâu sắc về luật pháp và thông lệ quốc tế. Đối với vấn đề này, Công ty đang tích cực trang bị cho mình những thông tin cần thiết về thị trường, đối thủ và đối tác, nghiên cứu luật pháp quốc tế để thực sự sẵn sàng cùng ngành Dược hội nhập.
- e. Rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu : Các công ty sản xuất dược phẩm trong nước phải nhập khẩu 90% nguyên vật liệu từ nước ngoài, chủ yếu từ Trung Quốc, Ấn Độ và Singapore. Do vậy, sự biến động về giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các công ty dược nói chung và Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9 nói riêng.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro về sự biến động của giá cả nguyên vật liệu, Công ty đã chủ động thương lượng với nhà cung ứng về giá hoặc ký hợp đồng cung ứng với thời gian ấn định trước hoặc cho cả năm để hạn chế tối đa sự biến động giá.

- f. Rủi ro khác :

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu thiệt hại do các rủi ro bất khả kháng gây ra, Công ty đã ký hợp đồng bảo hiểm tài sản với Công ty Bảo Minh Sài Gòn và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội.

PHẦN II : TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH***(ĐVT: Triệu đồng)*

STT	Chỉ tiêu	Năm	Năm	%2018/2017
		2017	2018	
1	Doanh thu thuần	117.914	125.092	106,09%
2	Giá vốn hàng bán	61.836	58.883	95,22%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	6.796	7.899	116,23%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	36.898	42.911	116,30%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.976	31.197	120,10%
6	Thu nhập khác	1.320	192	14,55%
7	Chi phí khác	283	255	90,11%
8	Lợi nhuận khác	1.037	(63)	(6,08%)
9	Lợi nhuận trước thuế	27.013	31.134	115,26%
10	Lợi nhuận sau thuế	21.353	24.557	115,00%
11	EPS (đồng/cổ phiếu)	3.078	3.540	115,01%

Năm 2018, mặc dù còn rất nhiều khó khăn nhưng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã nỗ lực hết mình để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Mặc dù doanh thu chưa đạt được như kỳ vọng nhưng so với năm 2017 đã tăng hơn 6%. Các chỉ tiêu lợi nhuận, EPS đều vượt kế hoạch và tăng so với năm 2017. Doanh thu tăng nhưng giá vốn hàng bán giảm điều này chứng tỏ công ty đã có sắp xếp phân bổ chi phí hợp lý cũng như các chính sách triệt để tiết kiệm, hạn chế các khoản chi phí không phục vụ cho sản xuất kinh doanh đã phát huy hiệu quả.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ :**1. Danh sách Ban Tổng giám đốc**

Ban điều hành của Công ty cho đến ngày 31/12/2018 bao gồm:

Họ tên**Chức vụ**

Bà Trịnh Bích Dung Phó Tổng Giám đốc tài chính - Thành Viên HĐQT

2. Những thay đổi trong ban điều hành : Không có

3. Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	206	100%
1	Trình độ trên đại học	2	0,97%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	70	33,98%
3	Trung cấp	67	32,52%
4	Dược tá	29	14,08%
5	Lao động phổ thông	38	18,45%
II	Theo loại hợp đồng lao động	206	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	122	59,22%
2	Hđ xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	81	39,32%
3	Hợp đồng thời vụ	3	1,46%
III	Theo giới tính	206	100%
1	Nam	88	42,7%
2	Nữ	118	57,3%

Năm 2018, tỷ lệ lao động có trình độ trên Đại học, Đại học và cao đẳng chiếm 34,95% tăng 7% so với năm 2017. Điều này phù hợp với định hướng phát triển của công ty là từng bước hiện đại hóa nhằm tăng năng lực sản xuất cả về chất lượng và số lượng, đáp ứng các đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường trong và ngoài nước. Đây là bước quan trọng hiện thực hóa chiến lược trở thành một trong những công ty dược hàng đầu Việt Nam phát triển bền vững dựa trên công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống quản trị hiện đại.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn

- Tiếp tục theo dõi, tiến hành việc chuyển nhượng tài sản trên đất tại Số 90 Hùng Vương Quận 5.
- Triển khai thực hiện cải tạo hệ thống xử lý không khí (IIVAC).
- Mua mới 4 máy sắc ký lỏng.
- Cải tạo và thay thế thiết bị PCCC cho nhà máy.

2. Các công ty con, công ty liên kết : Không có.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,06	4,51	4,38
	- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,25	3,60	3,66
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	22,1%	29,6%	39,1%
	- Hệ số nợ/Vốn của các nhà đầu tư	28,4%	42,0%	64,1%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
	- Vòng luân chuyển hàng hoá: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,07	2,06	2,01
	- Vòng quay tổng tài sản: DT thuần/Tổng tài sản	0,83	0,56	0,49
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi (%)			
	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản	14,1%	10,2%	9,7%
	Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần	20,7%	22,0%	24,9%
	Hệ số LN sau thuế / DT thuần	17,0%	18,1%	19,6%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	18.1%	14.5%	15,9%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	3.561	3.078	3.540

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu : NDP

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần :

- Số lượng cổ phần đang lưu hành : 5.550.000 CP
- Loại cổ phần lưu hành : cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.550.000 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 CP

2. Cơ cấu cổ đông (căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 10/01/2019)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VDL
I	Cổ đông trong nước	348	5.549.500	99,99%
1	Cổ đông tổ chức	8	2.708.022	48,79%
2	Cổ đông cá nhân	340	2.841.478	51,20%
II	Cổ đông nước ngoài	3	500	0,01%
1	Cá nhân	3	500	0,01%
2	Tổ chức	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	351	5.550.000	100%

3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :** Không có
4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ :** Không có
5. **Các chứng khoán khác :**

Loại trái phiếu : Trái phiếu chuyển đổi có ghi danh, không đảm bảo bằng tài sản.

Mệnh giá trái phiếu : 100.000 đồng/trái phiếu

Thời hạn trái phiếu : 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành 06/06/2017. Trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong kỳ hạn trái phiếu.

Kỳ hạn trả lãi: 1 năm/ lần kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Lãi suất: 3%/năm cố định cho đến ngày đáo hạn trái phiếu.

Tổng số lượng trái phiếu phát hành là 555.000 trái phiếu tương ứng với 55.500.000.000 đồng.

Mục đích phát hành: Vốn huy động được sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD (20.500.000.000 đồng) và sửa chữa cải tạo nâng cấp nhà máy GMP WHO (35.000.000.000 đồng).

IV. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm: 227.464 Kg

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: không có

2. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 1.350.000 KW/ năm

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không có

3. Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 65m³/ ngày

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn ý thức tuân thủ thực hiện và không vi phạm về quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đồng thời chú trọng đến các biện pháp tối thiểu hóa những tác động gây ảnh hưởng đến môi trường như :
 - + Cải tiến, đầu tư công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường; đầu tư nghiên cứu mẫu mã, chất lượng nhằm sản xuất ra những sản phẩm thân thiện với môi trường vừa là biện pháp hữu hiệu bảo vệ môi trường sống đồng thời là kênh quảng bá hữu hiệu hình ảnh của Nadyphar đến người tiêu dùng.
 - + Thực hiện các công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức đến với người lao động về bảo vệ môi trường cũng như xây dựng các quy định về việc tiết kiệm điện; dùng đèn điều khiển tự động cho nhà vệ sinh; tận dụng ánh sáng tự nhiên; phân loại rác thải....

5. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng và mức lương bình quân người lao động

Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
2018	206	8.970.000

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Năm 2018, Công ty từng bước tiến hành chuẩn hóa công tác quản lý nhân sự, kiện toàn lại hệ thống thang bảng lương, các quy chế thi đua, khen thưởng. Theo đó, mọi vị trí công việc ở từng phòng ban của các công ty thành viên trực thuộc đều phải xây dựng lại bản mô tả công việc nhằm sắp xếp lại công việc cho phù hợp, tránh sự chồng chéo và đảm bảo phát huy tốt nhất năng lực của cán bộ công nhân viên.
- Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo tập huấn kiến thức chuyên môn, khám sức khỏe định kỳ, tập huấn phòng cháy chữa cháy, hoạt động văn hóa thể thao, công đoàn, tặng quà học sinh giỏi là con CBCNV công ty...diễn ra thường xuyên trong cả năm, tạo ra môi trường làm việc an toàn hiệu quả, sáng tạo và đoàn kết
- Các chính sách khác dành cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24 và các chế độ đãi ngộ khác được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Nhà nước và quy chế của Nadyphar như :
 - Tiền ăn giữa ca, chế độ độc hại, bồi dưỡng nặng nhọc. Từ tháng 07/2018 công ty đã tăng mức tiền ăn ca của người lao động từ 25.000đ/bữa lên

30.000đ/bữa.

- Trong năm công ty đã tổ chức cho người lao động đi thăm quan nghỉ mát ở nước ngoài.
- Thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, hoàn cảnh gia đình có khó khăn và các chế độ khác như cưới hỏi, ma chay v.v...
- Tổ chức tổng kết và khen thưởng cán bộ công nhân viên với các hình thức: Thương sáng kiến, thưởng đột xuất, thưởng hàng năm...
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, điều kiện để vệ sinh lao động, đảm bảo và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

c. Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực

- Nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng, được coi là tài sản quý giá của doanh nghiệp. Do đó, chính sách nhân sự của Nadyphar được xây dựng nhằm hiện thực hóa mục tiêu đưa nguồn nhân lực trở thành yếu tố đặc biệt, có vai trò quyết định trong sản xuất kinh doanh, thực hiện thành công những kế hoạch đề ra.
- Đào tạo hàng năm: Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty về năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức : cử đi đào tạo, tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ bằng các khóa chuyên đề, huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp bên ngoài.

d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Trong năm 2018, hàng trăm suất quà gồm hiện vật và tiền mặt đã được CBCNV công ty đến tận tay hơn 300 cháu có hoàn cảnh khó khăn tại Xã Tân Bình- Lai Vung – Đồng Tháp và Tân An Hội –Măng Thít – Vĩnh Long; 40 hộ dân tại Xã Tân Hiệp- Thanh Hóa- Long An; 60 thanh niên công nhân có hoàn cảnh khó khăn tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân và các công dân trẻ tiêu biểu của thành phố HCM.
- Không chỉ tặng quà, Công ty đã phối hợp với Bệnh viện Y Học Dân tộc khám bệnh và phát thuốc cho 1200 người tại các huyện Long An, An Giang và Đồng Tháp.
- Bên cạnh đó, chăm lo cho thế hệ trẻ cũng là một trong những hoạt động luôn được Nadyphar chú trọng, hàng năm công ty đều có chương trình hỗ trợ học bổng cho các sinh viên nghèo vượt khó.
- Ngoài ra, CBCNV của Nadyphar đã nhiệt tình tham gia phong trào hiến máu nhân đạo do Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn phát động.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH :****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất :**

Chỉ tiêu	ĐVT	THSX 2016	THSX 2017	THSX 2018	TỶ LỆ THSX 2018 SO VỚI 2017	
					%	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3/2	
I. GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG						
1. THEO GIÁ CĐ	triệu đồng	44.766	44.146	43.249	97,96%	
2. THEO GIÁ BBCN	triệu đồng	121.862	114.919	123.972	107,88%	
II. SẢN PHẨM SX CHỦ YẾU						
1. THUỐC ỒNG UỐNG	1000 Ống	8.179	7.597	5.579	74,43%	
2. THUỐC VIÊN	1000 Viên	259.567	204.532	216.908	106,05%	
3. THUỐC NƯỚC	Lít	48.783	72.530	19.086	26,31%	
4. THUỐC CÔM-BỘT- PHÂN	Kg	68.530	75.035	74.711	99,57%	

- Năm 2018 về chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng (dù theo giá cố định hay theo giá bán buôn CN) sản xuất của Công ty vẫn ổn định dù chưa tăng trưởng tốt như kỳ vọng.
- Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới dù đã rất nỗ lực nhưng do còn gặp nhiều vướng mắc ở khâu đăng ký nên việc sản xuất và đưa ra thị trường sản phẩm mới vẫn chưa đáng kể.
- Công ty đang mạnh dạn thay đổi kết cấu mặt hàng sản xuất, loại bỏ dần những sản phẩm thiếu khả năng cạnh tranh, tập trung sản xuất các mặt hàng thuộc diện có khách hàng bao tiêu hay độc quyền tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh :

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch năm 2018	TH2018/ KH2018	% tăng giảm 2018/2017
1	Doanh thu	126.030	133.183	150.000	88,79%	105,68%
2	Doanh thu bán hàng hóa SXKD	111.188	119.901	-	-	107,84%
3	Doanh thu khác	14.842	13.282	-	-	89,49%
4	Lợi nhuận trước thuế	27.013	31.134	29.000	107,36%	115,26%
5	Trả cổ tức	18%	18%	15%	120,00%	0%

- Về lợi nhuận, Công ty đạt 31,134 tỷ đồng, vượt 7,36% so với kế hoạch đề ra, tăng 15,26% so với năm trước dù tình hình kinh doanh dược phẩm vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Thành công này có sự đóng góp không nhỏ của lợi nhuận kinh doanh tài chính.
- Trong năm Công ty đã xem xét đánh giá và phân loại các mặt hàng để xác định phương thức kinh doanh phù hợp.
 - Đối với một số sản phẩm chủ lực, công ty chú trọng đến việc tìm các khách hàng có tiềm năng tài chính và năng lực kinh doanh để hợp đồng bao tiêu hoặc độc quyền. Dù phương thức giao bao tiêu – độc quyền mới chỉ được áp dụng từ đầu quý II/2018 nhưng đã đem lại những thành quả rất đáng khích lệ.
 - Các mặt hàng còn lại, công ty tập trung nhân lực và chi phí để mở rộng thị trường tiêu thụ.
- Công ty vẫn kiên trì áp dụng chính sách quản lý công nợ bán hàng chặt chẽ và ưu tiên an toàn vốn. Kết quả nợ khó đòi không phát sinh, tổng nợ phải thu tiếp tục ở mức thấp.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. Tình hình tài sản**

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	167.015	192.775	115,42%	70,01%	71,89%
Tài sản dài hạn	71.527	75.392	105,40%	29,99%	28,11%
Tổng tài sản	238.542	268.167	112,42%	100%	100%

a. Tài sản ngắn hạn

- Tài sản ngắn hạn năm 2018 đạt mức 192.775 tỉ tăng 15,42% so với năm trước chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, hàng tồn kho.
- Chỉ tiêu hàng tồn kho của Công ty có giảm gần 7% so với năm trước. Mặc dù hiện nay trong vấn đề tiêu thụ do hạn dùng còn ngắn, các sản phẩm chiến lược và quen thuộc của Công ty bị cạnh tranh gay gắt về giá cả, về sức tiêu thụ làm giảm doanh số gây khó khăn trong công tác tiêu thụ và chi phí xử lý. Chi tiết hàng tồn kho như sau:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nguyên liệu, vật liệu	14.921
2	Công cụ, dụng cụ	77
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.027
4	Thành phẩm	10.574
	Tổng cộng	28.599

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và trả trước cho nhà cung cấp như sau:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123.077
2	Trả trước cho các nhà cung cấp khác	6.041
	Tổng cộng	129.118

b. Tài sản dài hạn*(ĐVT: triệu đồng)*

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình		107.366	80.143	27.223	25,36%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	39.361	20.877	18.484	46,96%
2	Máy móc thiết bị	56.714	50.258	6.456	11,38%
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.936	3.998	1.938	32,65%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.355	5.010	345	6,44%
Tài sản cố định vô hình		6.767	1.315	5.452	80,57%
1	Quyền sử dụng đất	4.589	-	4.589	100%
2	Phần mềm máy vi tính	2.178	1.315	863	39,62%
Tổng cộng		114.133	81.458	32.675	28,63%

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại công ty là: 51.674 triệu đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.056 triệu đồng.

2. Tình hình nợ phải trả

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	32.879	49.312	149,98%	36,94%	45,25%
Nợ dài hạn	56.136	59.675	106,30%	63,06%	54,75%
Tổng nợ phải trả	89.015	108.987	122,44%	100%	100%

Nợ ngắn hạn chiếm hơn 45,25% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Nợ ngắn hạn tăng khoảng 50% so với năm 2017.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:**

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2018
Vốn điều lệ	55.500	111.000	200,0%
Doanh thu thuần	133.183	150.000	112,6%
Lợi nhuận trước thuế	31.134	32.500	104,4%
Lợi nhuận sau thuế	24.557	26.000	105,9%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,6%	17,3%	88,3%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	44,2%	23,4%	52,9%
Cổ tức	18%	>10%	

2. Định hướng phát triển :**a. Về sản xuất:**

- Tập trung tài lực, nhân lực cho dự án “ Cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất thuốc diện kiểm soát đặc biệt” đảm bảo sớm hoàn thành giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi, chuẩn bị tốt công tác đấu thầu các hạng mục xây dựng và đặt hàng các máy móc thiết bị hiện đại đạt chuẩn GMP –EU.

- Sớm nghiệm thu đưa vào sử dụng các thiết bị máy móc đã mua từ năm 2018; tiếp tục nâng cấp, hợp lý hoá các dây chuyền sản xuất hiện có, đảm bảo kết nối liên thông giữa các hệ thống mới và cũ, nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa.
- Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại cho các phòng ban khác như kiểm tra chất lượng, đảm bảo chất lượng, phân xưởng ... tiến tới xây dựng nhà máy hoàn toàn hiện đại đạt chuẩn GMP – EU.
- Mạnh dạn thay đổi cơ cấu sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì để phù hợp với thị trường, tiếp tục hoàn thiện dây chuyền sản xuất mỹ phẩm, nghiên cứu các sản phẩm tiêu dùng khác.
- Tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm ở mọi khâu giá thành, tiếp tục cải thiện, ổn định chất lượng sản phẩm để giảm thiệt hại sản phẩm hỏng, hợp lý hoá bố trí nhân lực sản xuất.

b. Về nghiên cứu phát triển :

- Ưu tiên dành nguồn vốn đầu tư có trọng điểm cho khối Nghiên cứu phát triển, nhập các thiết bị mới và hiện đại để đẩy mạnh tốc độ và chất lượng nghiên cứu sản phẩm mới thuộc nhóm chuyên khoa, đặc trị ... mở rộng triển khai thử tương đương sinh học (thuốc tim mạch), đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ bào chế thuốc để sản xuất các dạng thuốc nhóm phóng thích kéo dài, phóng thích chậm... đạt mục tiêu có ít nhất 10 - 15 sản phẩm mới có sức cạnh tranh ra thị trường.
- Lập bộ phận có quan hệ tốt với các cơ quan có thẩm quyền, có chuyên môn cao chuyên trách vấn đề số đăng ký (gia hạn, xin cấp mới ...) các sản phẩm hiện có, đang phát triển và đặc biệt là nhóm thuốc diện kiểm soát đặc biệt.

c. Về kinh doanh:

- Xây dựng mới/hoàn thiện các qui chế bán hàng, quy chế nhân sự, đặc biệt chú trọng đến mảng kinh doanh bao tiêu – độc quyền, nghiên cứu các hình thức chiết khấu, hỗ trợ để ổn định các khách hàng hiện có đồng thời thu hút thêm những khách hàng mới có tiềm năng.
- Xây dựng chiến lược marketing đúng đối tượng, không lãng phí và mang hiệu quả thiết thực, phù hợp với định hướng phát triển sản phẩm của Công ty trong giai đoạn mới. Chú trọng việc tiếp thị ở thị trường nội địa và thị trường các nước trong khu vực.
- Kênh ETC Thầu và Dịch vụ : Phát triển theo hình thức bao tiêu sản phẩm (Nadyphytol, Hemafolic, NadyEstin20, Tizanad 4, Metoprolol 50...), chuẩn bị xây dựng nền tảng phát triển cho những năm tiếp theo. Đưa các sản phẩm tham dự thầu trong cả nước: Hemafolic, Nadyfer, Nadypharlax, Kali, Betasiphon, Nadyphytol, Carbogast, NadyZin, Allopurinol200, Metoprolol 50mg viên phóng thích kéo dài.

- Nghiên cứu xác định danh mục sản phẩm trọng tâm để phát triển kênh OTC theo từng khu vực; khẩn trương đưa vào kinh doanh 12 sản phẩm mới, trong đó có 3 thuốc: Nadyzin, NadyEstin20, Cardogel; 7TP BVSK: Vicaldex plus, NadyIvy, Betasiphon Plus (ống uống- nhựa), Viên sủi NadyRocca, Nadyster, NadyCalci; Euca Nano; 2 Mỹ phẩm: GB Fresh, Chicurlec Nano và 1 số sản phẩm đang chờ cấp số đăng ký.
- Phát triển nhập khẩu Thực phẩm bảo vệ sức khỏe với những sản phẩm có chất lượng cao và trực tiếp sản xuất nhóm sản phẩm Bảo vệ sức khỏe và Mỹ phẩm. Bước đầu thử nghiệm tham gia thị trường nhập khẩu, kinh doanh vật tư, nguyên liệu dược phẩm.
- Đưa vào sản xuất các sản phẩm gia công đã có số đăng ký: Công ty Samedco (5 sản phẩm), Công ty Medbolide (2 sản phẩm) , Công ty Farmagist... để tận dụng năng lực và ổn định sản xuất của nhà máy.

d. Về nhân sự :

- Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực, bố trí công việc hợp lý, đào tạo phát triển đội ngũ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, tuyển dụng nhân lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chế độ, chính sách với người lao động. Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đầy đủ, kịp thời, phù hợp; sử dụng quỹ tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi hiệu quả, tạo động lực làm việc cho Người lao động.

e. Về tài chính:

- Cân đối lại toàn bộ nguồn vốn hiện có, chuẩn bị nguồn tiền để phục vụ cho dự án Nhà máy sản xuất thuốc diện kiểm soát đặc biệt, mua sắm máy móc thiết bị cho nhà máy theo kế hoạch đã được phê duyệt. Nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ để kịp thời vay Ngân hàng với chi phí lãi vay thấp nhất khi nhu cầu vốn đòi hỏi.
- Tiếp tục giám sát việc thực hành chính sách tiết kiệm, hạn chế các khoản chi phí không phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Rà soát lại các tiêu chí phân bổ chi phí để giá bán sản phẩm ở mức cạnh tranh và hợp lý nhất.
- Triển khai áp dụng hóa đơn điện tử.
- Chuẩn bị các công tác cần thiết cho việc chuyển đổi trái phiếu thành vốn chủ sở hữu.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CÔNG TY

Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, các nguồn gây ô nhiễm được giám sát chặt chẽ. Chất lượng môi trường trong Nhà máy, văn phòng và khu dân cư xung quanh đều được đảm bảo tốt.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Năm 2018 mặc dù còn rất nhiều khó khăn, doanh thu chưa đạt được như kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn là năm thành công của công ty, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với năm 2017. Đặc biệt, lợi nhuận tăng 15,26% so với năm 2017 và vượt kế hoạch đề ra 7,36%.
- Những số liệu trên đã thể hiện sự nỗ lực của Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9 trong hoạt động sản xuất, quản lý chi phí cũng như trong quá trình tiếp thị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ,...trong điều kiện kinh doanh ngày một khó khăn và mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt.
- Bên cạnh đó, Công ty tiến hành củng cố, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý như cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung có trình độ, năng động và sáng tạo và đội ngũ công nhân viên lao động có trình độ tay nghề và có tính kỷ luật cao.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.
- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, từ đó hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đề ra.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để phát triển bền vững và gia tăng giá trị công ty, Hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động của công ty trong thời gian sắp tới như sau:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và sản xuất sản phẩm mới, mạnh dạn thay đổi cơ cấu sản phẩm để phù hợp với thị trường.
- Triển khai dự án “ Cải tạo nâng cấp và đầu tư mới nhà máy sản xuất dược phẩm diện

kiểm soát đặc biệt”

- Mở rộng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm, đa dạng hóa thị trường.
- Xây dựng chiến lược marketing nhận dạng thương hiệu Nadyphar.

Hội đồng quản trị nhất trí thông qua một số nội dung

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (Biểu quyết 5/5).

Thông qua bản phân phối lợi nhuận năm 2018 (tỷ lệ biểu quyết 5/5) như sau:

Trích quỹ Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển : 20%
- Quỹ thù lao Hội Đồng Quản Trị : 5%
- Quỹ khen thưởng : 12%
- Quỹ phúc lợi : 3%

Trả cổ tức cho cổ đông: Chi trả cổ tức 2018 là 18% (Trên vốn điều lệ 55,5 tỷ đồng).

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm báo cáo:

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Ngô Nam Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Ông Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên HĐQT	
4	Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
5	Ông Nguyễn An Giang	Thành viên HĐQT	

2. Lý lịch tóm tắt thành viên Hội đồng quản trị :

✚ Ông Ngô Nam Thắng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn : Quản lý doanh nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP XD TM DV GB Sài Gòn.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 635.048 cổ phần – tỷ lệ 11,44%
 - Sở hữu cá nhân: 635.048 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:
 - Nguyễn Thị Ánh Hoa (Vợ), sở hữu 54.822 cổ phần, tỷ lệ 0,99%
 - Ngô Thị Cẩm Ly (Em), sở hữu 45.952 cổ phần, tỷ lệ 0,83%
 - Ngô Thị Giáng Hương (Em), sở hữu 45.952 cổ phần, tỷ lệ 0,83%
 - Ngô Phạm Việt (Em), sở hữu 87.000 cổ phần, tỷ lệ 1,57%

✚ Ông Phạm Ngọc Tú - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Dược Sĩ đại học
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Phòng Kinh Doanh Tiếp Thị Công

ty TNHH MTV Dược Sài Gòn

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 777.000 cổ phần – tỷ lệ 14%
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 777.000 cổ phần, cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

✦ **Ông Hoàng Xuân Minh Trí – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán kiểm toán
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Nhân Sự Hành Chính Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 832.500 cổ phần – tỷ lệ 15%
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 832.500 cổ phần, cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

✦ **Bà Trịnh Bích Dung- Thành viên Hội đồng quản trị**

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9 kiêm Phó Tổng giám đốc Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 133.018 cổ phần – tỷ lệ 2,40%
 - Sở hữu cá nhân: 133.018 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

✦ **Ông Nguyễn An Giang - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám Đốc Miền Nam kiêm Giám Đốc Vùng Sài Gòn khối khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Quốc Dân.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 568.333 cổ phần – tỷ lệ 10,24%
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 568.333 cổ phần, đại diện cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị :Không có.

4. Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị trong năm : Không có.

5. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Ngô Nam Thắng	Chủ Tịch	8/8	100%	
2	Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Chủ tịch	8/8	100%	
3	Ông Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên	8/8	100%	
4	Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên	8/8	100%	
5	Ông Nguyễn An Giang	Thành viên	7/8	88%	Đi công tác đột xuất

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội Đồng Quản trị

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	08A/NQHĐQT-NDP	18/01/2018	Chọn nhà thầu Huy Phát thực hiện nâng cấp hệ thống HVAC tại NM Q.2; Thống nhất đơn giá mới cho nhà thầu Huy Phát
2	46/NQHĐQT-NDP	07/03/2018	Thống nhất mức trích các quỹ và trả cổ tức năm 2017
3	47/NQHĐQT-NDP	07/03/2018	Thống nhất thời gian họp ĐHCĐ và các tài liệu thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
4	52/NQHĐQT-NDP	20/03/2018	Thống nhất ngày họp ĐHCĐ và kế hoạch năm 2018 ; Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Niên giữ Hàm Phó TGD
5	71/NQHĐQT-NDP	23/04/2018	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2018
6	78/NQHĐQT-NDP	09/05/2018	Thông qua việc mua trái phiếu chuyển đổi của CBQL đã nghi việc.

7	85/NQHĐQT-NDP	22/05/2018	Thông qua mức chi trả tạm ứng cổ tức đợt cuối 2017
8	89/NQHĐQT-NDP	29/05/2018	Thông qua mức chi trả tạm ứng lãi suất trái phiếu bằng tiền mặt
9	97/NQHĐQT-NDP	15/03/2018	Thông qua quy mô và kế hoạch xây dựng dự án tại nhà máy
10	102/NQHĐQT-NDP	20/06/2018	Thông nhất Công đoàn mua lại trái phiếu chuyển đổi của ông Huỳnh Minh Tuấn.
11	149/NQHĐQT-NDP	30/08/2018	Thông nhất xây dựng nhà máy Q.2 từng phần cho phù hợp với tình hiện tại của Cty và đảm bảo xét duyệt GMP; Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Lư Hiền làm Thư ký HĐQT
12	159/NQHĐQT-NDP	02/10/2018	Thông nhất mức tạm ứng chi cổ tức đợt 1/2018
13	223/NQHĐQT-NDP	25/12/2018	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2/2018; Bổ nhiệm ông Võ Ngọc Dương làm Phó Tổng Giám đốc; Thông nhất phương án cải tạo hội trường để XD dây chuyền SX thuộc quản lý đặc biệt.

II. GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh
1	Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban BKS
2	Trần Quang Huy	Thành viên BKS
3	Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên BKS

2. Lý lịch tóm tắt thành viên Ban kiểm soát :

✦ Ông Nguyễn Minh Đức – Trưởng Ban kiểm soát

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

✦ **Bà Nguyễn Trần Xuân Mai - Thành viên Ban kiểm soát**

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Phẩm 2/9
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Nhân viên kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV SX-TM-XNK Nam Hà.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

✦ **Ông Trần Quang Huy -Thành viên Ban kiểm soát**

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Trưởng phòng TCKT CN Miền Nam – Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH

3. **Hoạt động của Ban kiểm soát** : Không có.

4. **Thay đổi trong Ban kiểm soát trong năm**

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban	26/04/2018	
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên	25/05/2016	26/04/2019
Ông Trần Quang Huy	Thành viên	26/04/2018	

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích** :

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Thù lao/Lương	Thưởng & các khoản lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị		
1	Ngô Nam Thắng	180.000.000	190.000.000
2	Phạm Ngọc Tú	120.000.000	110.000.000
3	Hoàng Xuân Minh Trí	96.000.000	88.000.000
4	Trịnh Bích Dung	96.000.000	104.000.000

5	Nguyễn An Giang	96.000.000	88.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Minh Đức	64.000.000	8.000.000
2	Nguyễn Thê Phong	20.000.000	45.000.000
3	Nguyễn Trần Xuân Mai	60.000.000	44.000.000
4	Trần Quang Huy	40.000.000	3.000.000
III	Ban Tổng Giám đốc (*)		
1	Trịnh Bích Dung	540.000.000	245.783.400

2. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có.

3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

Hội đồng Quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công và tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty về quản trị công ty. Đặc biệt là những thành viên trực tiếp điều hành công việc đã nỗ lực không ngừng trong điều kiện hết sức khó khăn để Công ty có được kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 là 31 tỷ đồng vượt kế hoạch đề ra.

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo rà soát để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các nội quy, quy định về quản trị công ty nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác sản xuất, kinh doanh.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của kiểm toán viên:

Số: 19.128/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ Đông**
Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2/9 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội Đồng Quản Trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội Đồng Quản Trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2/9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1



Phạm Thị Bích Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1505-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Nội dung báo cáo tài chính 2018:

Toàn văn báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018 được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty tại địa chỉ: www.nadyphar.com.vn

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Chủ Tịch
Đông Quản Trị
Ngô Nam Cường